

2^e Edition

Prix : 0 \$ 50

Exemplaires
légal
4934 tirage 2000 exemplaires
4 septembre
Romaine

婦 人 怨

CHINH-PHỤ NGÂM

Plainte de la femme d'un soldat parti en guerre

ch theo bản cũ chữ nôm và giải điển-tích ra từ đoạn

PAR

CAO-ĐÌNH-NAM

INSTITUTEUR PRINCIPAL

Professeur d'Annamite

au Collège Chasseloup-Laubat

Tri-huyện Honoraire

INDOCHINE
A/C

INDO-CHINOIS
1005

Ouvrage inscrit sur la liste officielle des publications scolaires autorisées dans les Ecoles Franco-Indigènes de l'Indochine.

TOUS DROITS RÉSERVÉS



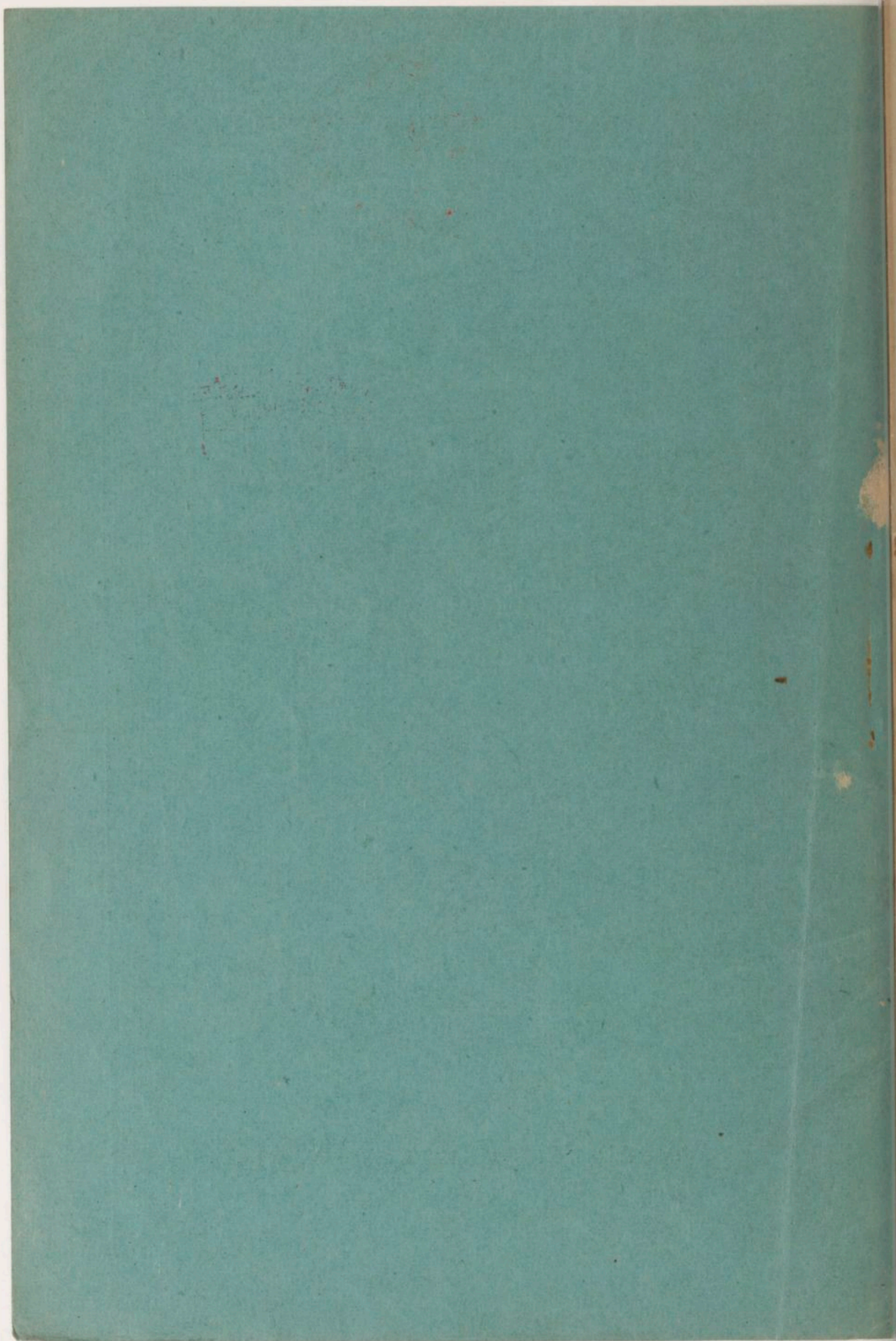
BENTRE


IMPRIMERIE. - KHONG-HUU-TRIM

1929

1005







CHINH PHỤ NGÂM

Dịch theo bản cũ chữ nôm và giải
diễn tích ra từ đoạn

PAR



CAO - ĐÌNH - NAM

Instituteur principal
Professeur d'Annamite au Collège Chasseloup-Laubat
Tri-huyện honoraire

TOUS DROITS RÉSERVÉS

Ouvrage inscrit sur la liste officielle des publi-
cations scolaires autorisées dans les Écoles franco-
indigènes de l'Indochine .



BENTRÉ

IMPRIMERIE KHÔNG-HỮU-TRIM

Junin 1929

80 Indoch

1005

TU' A

Nước ta là nước văn-hiến, từ khi ông Hàn-Thuyên đời nhà Trần, mượn chữ Hán làm ra chữ quốc văn. Về sau các nhà đại-văn-sĩ theo đó làm ra biết bao nhiêu văn-từ, ca-khúc, như: Truyện-Kiều, Huê-tiên. Phan-Trần và các câu hát, văn tế v . . . v . . . đều là tánh tình chơn chánh văn chương tao nhã, có kém chi văn thơ nhà Đường, nhà Tống. Chỉ vì lúc trước, nước ta chuyên trọng về khoa-cử mà khoa-cử chỉ chuyên trọng về chữ Hán. còn quốc văn thì cho là khinh, thường; nên những văn hay trên kia, vẫn có lưu truyền lại; nhưng ít người đọc. mà hiểu, đọc mà không hiểu thì rất vô ích. Điều đó là một việc khuyết điểm rất lớn về đường giáo dục.

Từ năm 1925, nhà-nước dùng quốc-văn vào chương trình các trường học, quốc dân ta mới biết quốc-văn là một cái lợi-khí về đường khai hóa.

Tôi tài sơ học thiếu (siển) lạm dụng vào phần dạy tiếng quốc-văn mỗi khi giảng thuyết cho học trò, thường gặp nhiều chỗ mắc mỏ, hoặc về văn-chương, hoặc về điển tích; nếu không tra cứu trước thì nhứt thời khó lòng mà thích dạng học trò dễ hiểu và tránh khỏi sự sai lầm.

Cuốn Chinh-phụ-ngâm này, nguyên-văn bằng chữ Hán của ông Đặng-trần-Côn, người làng Nhơn-mục, huyện Thanh-tri, về sau Đoàn-thị-Điền người làng Trung-phú, huyện Văn-giang thuộc tỉnh Hưng-Yên bây giờ, diễn ra quốc-văn.

Không nói. chắc ai cũng đã rõ bà là một bực nữ văn-sĩ rất có tiếng nước ta.

Bản quốc-văn này theo nguyên-văn chữ Hán, dùng nhiều điển tích cao xa mà là văn-chương tánh tình tâm-lý, chớ không phải văn-chương đạo-dục-tăng-bi như các câu hát khác.

Nhân dịp nghỉ, tôi hết sức tra tìm và xét rõ mới được hiểu thấu. Bèn chú thích từ điển, diễn dịch từ câu, cho học trò dễ hiểu, may có bổ ích một vài phần trong buổi quốc-văn đương còn non nớt này chăng.



CHINH-PHỤ NGÂM

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nổi truân-chuyên.

GIÓ BỤI.— (Phong trần) khi thái-bình cũng như lúc chiều trời êm ái; khi loạn lạc cũng như lúc chiều trời gió bụi.

MÁ HỒNG.— Hồng nhan.

TRUÂN CHUYÊN.— Gian nan, long đong, vất vả.

CHÚT HÍCH.— Khi thiên hạ rối loạn chẳng những người đờn ông phải ra tung chình, đành chịu khó nhọc; người đờn bà cũng phải chịu nhiều nỗi long đong.

Xanh kia thăm thăm từng trên,
Vi ai gây dựng cho nên nổi này.

XANH KIA.— Trời xanh.

THĂM THĂM.— Cao xa.

CHÚ THÍCH.— Nổi truân chuyên này vì ai gây dựng cho nên? Trời xanh ở trên cao xa kia có thấu tình cho chẳng? (Bốn câu này nói tóm đại ý trong bài chinh phụ ngâm này.)

Trống Tràng-thành long lay bóng nguyệt,
Khói Cam-toàn mờ mịt thức mây.

TRĂNG THÀNH.— Thành dài. Vua Thi-hoàng nhà Tần đắp thành dài muôn dặm ở nơi ngoài giáp-giải để phòng giặc Hung-nô.

KHÓI.— Xưa có làm nơi đồn ải một cái lâu rất cao, gọi là Phong-hỏa-đài, khi có giặc thì đốt lửa ở trên đài ấy báo tin cho các xứ khác biết, đem quân tới cứu.

CAM-TOÀN. — Suối Cam-toàn.

CHÚ THÍCH.— Trong khi ải quan có giặc, sát khí âm âm, tiếng trống canh phòng, xao động đến bóng nguyệt; ngọn lửa cáo cấp, mờ mịt đến từng mây, tình trạng rất nên nguy cấp.

Chín lần gươm báu chống tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.

CHÍN LẦN.— (Cửu trùng) Cung điện ông vua ở cao chín lần.

GUƠM BÁU.— (Bửu kim) Thanh gươm quý.

CHỐNG TAY.— Chữ này có người viết là (trao tay) cũng có nghĩa; nhưng so với chữ « án kim » của nguyên văn chữ Hán thì không đúng. Nghĩa là đoạn này đương nói vua được tin có giặc, nổi giận, cầm gươm ngồi dây, chớ có phải quan tướng đã phụng mạng đem quân đi đánh mà vua trao gươm cho đâu.

HỊCH.— Tờ hịch. Tờ mang lệnh bá cáo cho thiên hạ biết có giặc, và kể tội của quân giặc thế nào. Khi truyền tờ hịch đó, có đem theo một cái lòng gà và một cục than tổ ý phải nóng nảy và mau chóng.

XUẤT CHINH.— đem quân đi đánh giặc.

CHÚ THÍCH.— Thiên-tử được tin có giặc, nổi giận, nửa đêm chống gươm ngồi dây, truyền tờ hịch lập tức chọn ngày sai quan tướng đem quân đi đánh.

Nước thanh bình ba trăm năm cũ,

Áo nhung trao quan vũ từ đây.

THANH BÌNH.— Thái bình.

ÁO NHUNG.— Áo mặc vào trận, làm thứ da dày dặng tránh tên đạn.

CHÚ THÍCH.— Nước nhà thanh bình đã ba trăm năm nay, từ đây mới có giặc, mới phải dùng tới quan võ.

Sứ trời vội giục đường mây;
Phép công là nặng, niềm tây sá nào.

SỨ TRỜI.— Sách thiên-văn: Trên trời có vì sao
sứ tinh, khi nhà vua có sai sứ thì vì sao đó xuất hiện.

ĐƯỜNG MÂY.— Chữ dùng trong văn thơ cho
được tao nhã.

NIỀM TÂY.— Nỗi riêng, tình riêng.

SÁ NÀO.— Bao quản, quản chi.

CHÚ THÍCH.— Sau khi đã phụng mạng, phải vội
vàng đi ngay, vì phép nước là trọng, còn dám
nghĩ gì tới tình riêng nữa.

Đường giông ruồi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng vương thê noa.

CUNG TIẾN.— Cung tên nỏ.

THÊ, NOA.— Vợ con.

Ngọn cờ tiếng trống xa xa,
Sầu tuôn ngọn ải, oán ra cửa phòng,
NGỌN ẢI.— Đầu núi nơi ải quan.

CHÚ THÍCH.— Lưng đeo cung tiễn, sửa soạn ra
đi, nhưng tình gia thất vẫn còn bận bịu, cái ngọn
cờ tiếng trống ở đường xa kéo đến để rước tướng-
quân lên đường kia đã khươi nổi oán từ cửa
phòng mà tuôn mạch sầu nơi ngọn ải vậy.

(Bốn câu này tả cảnh lúc quan tướng giã nhà ra đi.)

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
Xếp bút-nghiên theo việc đao-cung.

HÀO KIẾT.— Anh hùng.

XẾP BÚT NGHIÊN.— Ông Ban-Siêu đời Hán, nhà nghèo, làm nghề viết mướn. Một hôm ông liệng bút mà than rằng: «Trượng-phu ở đời, nên theo nghề cung kim, đánh đồng đẹp bạc, lập nên công danh; chớ theo nghề bút nghiên làm gì?»

CHÚ THÍCH.— Chàng đang còn tuổi trẻ mà có chí khí anh hùng, đã từng bỏ văn theo võ, đặt mong lập công nghiệp.

Từ câu này tới câu: «gieo thái-san nhẹ tựa hồng mao» là người vợ thuật chí khí người chồng.

Thành liền mong tiến bộ rộng,
Thước gươm quyết chí chẳng dong giặc trời.

BỘ RỘNG.— Nơi cung điện vua ở, xây chín bức thềm (bộ) có tô hình rồng châu.

DONG.— Dong tha.

CHÚ THÍCH.— Mong đánh được thành liền muốn dậm, dậm trước bộ rộng, quyết chí cầm ba thước gươm, tiêu trừ quân giặc.

Chí làm trai dậm ngàn da ngựa,
Gieo Thái-san nhẹ tựa hồng mao.

DA NGỰA.— (Mã cách). Ông Mã-Viện đời Hán nói rằng: Kẻ trượng-phu nếu đi đánh giặc, chết ở nơi chiến-trường, lấy da ngựa bọc thây mới thỏa, lẽ nào đành chịu ở nhà mà chết trên tay vợ con.

THÁI SAN.— (Non Thái) Núi Thái-san là núi cao nhất, trong thiên hạ thường dùng để nói một việc gì rất quan hệ to lớn như nói: (công cha như núi Thái-san) — (ơn cha mẹ nặng tựa non Thái).

HỒNG MAO.— Lông chim hồng là một thứ lông rất nhẹ. Thường dùng để nói việc gì rất nhẹ nhàng, khinh thường. Tánh mạng là trọng mà coi khinh thường, dẫu chết ngoài ngàn dặm lấy da ngựa bọc thây cũng đành.

Giã nhà đ. o bức chiến báo,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.

CHIẾN BÁC.— Áo mặc đi đánh giặc, áo giáp.

THÉT ROI.— Giục ngựa buông cương, thét găm có vẻ oai nghiêm mạnh dữ.

GIÓ THU.— Mùa thu gió lạnh ghê người. Nhà làm văn hay dùng chữ (gió thu) để tả một việc gì có oai nghiêm đáng ghê, hay là tả cảnh sầu thảm cũng được, cũng như dùng chữ (gió xuân) để tả cảnh vui vẻ.

CHÚ THÍCH.— Từ giã nhà ra đi đánh giặc, một tiếng thét roi ở cầu Vị mà có vẻ oai nghiêm lạnh lẽo như một trận gió thu làm cho con người phải dùng mình lạnh gáy.

Từ câu này tới câu: (Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay) tả cảnh lúc người vợ đưa chân chồng đi.

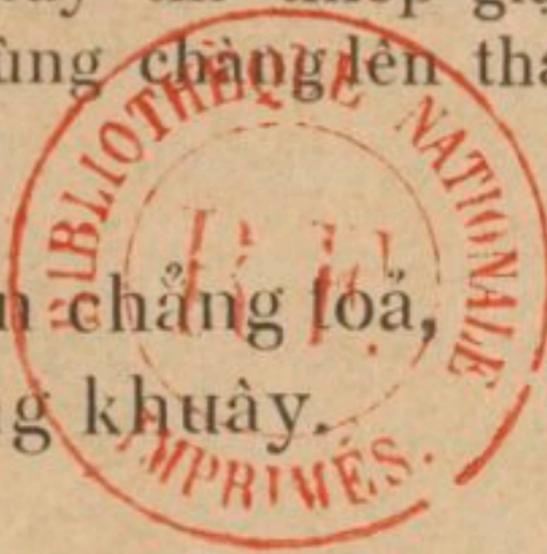
Suối đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Trông chàng lòng đặc đặc buồn,
Lục khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
ĐẶC ĐẶC.— Như một sợi dây dài không thể đứt được.

LỤC.— Đường bộ (lục bộ)

THỦY.— Đường sông (thủy đạo)

CHÚ THÍCH.— Trông chàng mà lòng thiếp không thể nguôi được, chàng đi đường bộ, thì thiếp giận không được bằng con ngựa cùng chàng qua đèo xuống giốc; chàng đi đường thủy thì thiếp giận không được như chiếc thuyền cùng chàng lên thác xuống gành.

Nước tuy chảy mà phiền chẳng loã,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuấy.



TOẢ.— Xuôi, như giòng nước chảy xuôi.

CHÚ THÍCH.— Nước chảy mà lòng thiếp không xuôi; cỏ thơm mà lòng thiếp vẫn héo, người buồn cảnh có vui đâu.

Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước giầy giầy lại dừng.

NHỦ.— Dặn dò, bảo nhủ.

GIÀY GIÀY.— Giầy phứt.

CHÚ THÍCH.— Dặn một vài lời, lại cầm lấy tay, đi một vài bước lại dừng chân, tình quyến luyến kể sao cho xiết.

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo rồi,
Chàng lòng xa muòn dặm Thiên-san.

TỰA.— Dường như.

RỒI.— Chiếu; soi.

THIÊN SAN.— (Tên núi) Ông Tiết-nhơn-Quy đời đường đi đánh nước Cao-li, tới núi Thiên-san quân giặc đông lắm, Nhơn-Quy bắn ba phát tên, giết được ba ông tướng giặc, quân Cao-li sợ bỏ chạy.

CHÚ THÍCH.— Lòng thiếp như mặt trăng theo rồi cùng chàng, mà lòng chàng chỉ trông mau tới Thiên-san dặng cệp được giặc.

Đặt rượu tiên, múa long-toàn,
Trỏ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

LONG-TOÀN.— Tên cái gươm của ông tướng. Có ba thứ gươm quý: gươm của thiên-tử gọi là Tử-điện; gươm của ông đại-tướng gọi là Long-toàn; gươm của viên thuộc tướng gọi là Can-tướng.

HANG BEO.— (Hồ huyết) hang hồ, hang hùm. Nơi sào huyết của giặc là nơi nguy hiểm cũng như hang hồ. Ông Ban-Siêu đời Hán đi đánh Tây-Vực.

vào tận nơi sào huyết của giặc, ông nói rằng :
« không vào hang hổ sao bắt được con hổ ».

CHÚ THÍCH.— Đề chén rượu xuống mà hăng hái
múa gươm long-toàn, còn ngang ngọn giáo trở vào
sào huyết của giặc, quyết chí giết được giặc mới nghe.

Sấn Lâu-lan rằng theo Giới-tử,
Tới Man-khê bản sự Phục-ba.

LÂU-LAN.— Vua nước Lâu-lan thường đón đường
giết quan sứ nhà Hán, về sau ông Giới-tử đánh
giết được.

MAN-KHÊ.— Khê mừng. Vua Võ-đế nhà Hán
sai Phục-ba tướng-quân là Mã-viện đi đánh mừng
Võ-lãng, mừng đó có năm cái khe nước rất độc.

CHÚ THÍCH.— Mong được như Giới-tử chém vua
Lâu-lan, Mã-viện binh giặc Man-khê mới thỏa
chí nam nhi.

Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

RÁNG.— Ánh mặt trời.

Tiếng nhạc ngựa, lẫn chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.

PHÚT BÔNG.— Giây phút.

CHIA TAY.— (Phân thủ) Bắt tay rồi mỗi người đi
mỗi nơi.

Hà-lương chia rẽ đường này.
Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.

HÀ-LƯƠNG.— Bến sông.

NGÙI NGÙI.— Ngâm ngùi, buồn rầu.

CHÚ THÍCH.— Cùng nhau chia rẽ ở bến Hà-
lương này, thiếp đứng bên đường trông bóng
cờ mà ngâm-ngùi buồn bã.

Từ câu này tới câu: (Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai) nói người chồng đi đã xa rồi, vợ còn nhìn theo mà chưa nỡ trở về.

Quân trước đã tới ngoài doanh liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương,

ĐOANH LIỄU.— Tên trại lính. Ông Châu-á-Phủ đi đánh giặc Hung-nô, đóng quân ở doanh Tế-liều.

Kỵ.— Lính kỵ-mã, lính cưỡi ngựa.

TRƯỜNG DƯƠNG.— Cung Trường-dương ở kinh đô nhà Tần.

CHÚ THÍCH.— Câu này nói quân lính đông, kéo một đường dài mà chưa hết.

Quân đưa chàng bước lên đường,
Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng.

LIỄU DƯƠNG.— Cây dương liễu trồng bên đường.

ĐOẠN TRƯỜNG.— Đứt ruột.

CHÚ THÍCH.— Quân đưa chàng lên đường mà thiếp đứng ở bên gốc cây dương liễu nhìn theo, không hay chàng có biết nỗi đoạn trường của thiếp chẳng?

Tiếng địch thổi trông chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phát phơ.

ĐỒNG VỌNG.— Văng vẳng.

ĐỊCH.— Kèn linh.

Giấu chàng theo thức mây đưa,
Thiếp nhìn rang núi ngấn ngơ nỗi nhà.

RẠNG NÚI.— Ngàn núi.

CHÚ THÍCH.— Kể đi người ở, một bước một xa, trước còn trông thấy bóng cò, nghe thấu tiếng địch, về sau chỉ trông ngàn mây rạng núi mà ngẩn ngơ, không còn thấy ảnh hưởng gì nữa.

Chàng thi đi côi xa mưa gió,
Thiếp thi về phòng cũ chiếu chăn.

CHÚ THÍCH.— Thời từ đây chàng đi côi xa, thiếp về phòng cũ, chàng thi dãi gió dầm mưa, thiếp thi chăn đơn gối chiếc.

Đoái trông nhau đã cách ngàn.
Tuôn vừng mây bạc, trải ngàn non xanh.

ĐOÁI.— Ngảnh lại nhìn.

CHÚ THÍCH.— Đoái trông nhau nhưng đã cách xa, chỉ thấy những non xanh, mây bạc.

Chốn Hàm-kinh chàng còn ngảnh lại,
Bến Tiêu-tương thiếp hãy trông sang.

HÀM-KINH.— Kinh đô Hàm-dương.

TIÊU-TƯƠNG.— (Tên sông) Cổ thi: « Quân tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ, tương cổ bất tương kiến, đồng ầm Tương-giang thủy », nghĩa là: chàng ở ngọn sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, trông nhau mà không thấy, cùng uống nước sông Tương.

CHÚ THÍCH.— Người ngảnh lại, kẻ trông theo, không những thiếp nhớ chàng, mà chàng cũng nhớ thiếp.

Khởi Tiêu-tương cách Hàm-dương,
Cây Hàm-dương cách Tiêu-tương mấy trùng.

CHÚ THÍCH.— Chàng ở Hàm-dương trông thiếp,

nhưng bị khói Tiêu-trương cách trở; thiếp ở Tiêu-trương trông chàng nhưng lại bị cây Hàm-dương che lấp.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

CHỮ THÍCH.— Đòi ta đều trông nhau mà đều không thấy nhau, chỉ thấy ngàn dâu xanh ngắt, cái nỗi thương nhớ của đôi ta, chắc lòng chàng cũng như ý thiếp).

Chàng từ đi vào nơi dặm cát,
Đêm trăng nầy nghĩ mát phương nao.

CHỮ THÍCH.— Từ câu này trở xuống là người chồng đi đã xa, vợ trở về nhà rồi, thương nhớ mà nghĩ nỗi khó nhọc của người chồng. Đại ý chia ra làm hai đoạn.

1°.— Từ câu: «Chàng từ khi vào nơi dặm cát» đến câu «lòng nào là chẳng động lòng bi thương».

2°.— Từ câu: «Chàng từ sang đồng nam khỏi nẻo» đến câu «nhưng nhọc nhân nào đã nghĩ ngơi».

Xưa nay chiến địa dương bao,
Nội không muôn dặm xiết bao dài dẫu.

CHIẾN ĐỊA.— Nơi chiến-trường.

NỘI.— Đồng nội.

Hơi gió thổi người rầu mặt dạn,
Dòng nước sâu ngựa nản chân bon.

NẢN.— Sợ khiếp.

BON.— Nhảy chồm.

Ôm yên gói trống đã chồn,
Năm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh.

CHỒN.— Mỏi, ngại ngùng.

Nay Hán tới Bạch-thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh-hải dòm qua.

BẠCH THÀNH.— Thành Bạch-đăng, đất Hán giáp
giáp với Hồ.

THANH HẢI.— Thanh-hải loan, đất Hồ giáp giáp
với Hán.

CHÚ THÍCH.— Nay Hán xuống thành Bạch-đăng để
giữ Hồ, mai Hồ vào Thanh-hải loan để dòm Hán,
hai bên đều đóng quân ở giáp địa để giữ.

Hình khe thế núi xa xa,
Đứt thoi lại nối thấp đà lại cao.

CHÚ THÍCH.— Hình thế hiểm trở, hết núi này cao
lại đến khe thấp, khe kia đứt lại đến núi kia liền.

Sương đầu núi buổi chiều như gọi,
Nước lòng khe nẻo lội còn sâu.
Nào người áo giáp bấy lâu,
Lòng què qua đó mặt sầu chẳng khuây.

NÃO.— Áo nào, phiền nào đáng thương.

LÒNG QUÈ.— Lòng thương nhớ què-hương.

CHÚ THÍCH.— Tình cảnh nguy hiểm như vậy,
thương thay cho những người chinh-chiến qua đó,
chắc đem lòng sầu nào mà chạnh niềm nhớ tới
quê nhà.

Trên trướng gấm thấy hay chẳng nhẽ?
Mặt chinh phu ai vẽ cho nên.

TRƯỜNG GẤM.— Màn trướng của ông vua năm
làm bâng gấm.

CHÚ THÍCH.— Chẳng hay vua có biết tới nỗi niềm
khó nhọc ấy cho không? Cái nét mặt phong trần của
bọn chinh-phu khôn lấy bút mà vẽ hết ra được.

Tưởng chàng dong ruồi mấy niên.
Chẳng nơi hãn hải thi miền quan san.

HẢN HẢI. — biển

QUAN-SAN. — núi

CHÚ THÍCH. — Tưởng chừng lâu nay chàng dong ruồi ở ngoài cõi xa, chẳng nơi biển thẳm, cũng chốn non xanh, đã trải qua biết bao là nơi hiểm trở.

Đã trác trở đòi ngàn xá, hồ.
Lại lạnh lũng những chỗ sương phong.

XÁ, HỒ. — Rắn, hồ. Hang hùm, nọc rắn.

SƯƠNG, PHONG. — Sương, gió.

CHÚ THÍCH. — Đã trải qua những chỗ hiểm nghèo, hang hùm nọc rắn, lại những nơi lao khổ dãi gió dầm sương.

Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.

MÂY LỒNG. — Đứng xa trông mây, thấy hình như lớp nọ lồng với lớp kia.

BI THƯƠNG. — Thương xót, buồn rầu.

CHÚ THÍCH. — Lên núi cao mà trông về quê nhà đất cũ, chỉ thấy mây phong lớp lớp, dầu ai cũng phải động lòng bi thương.

Nghĩa lý cả đoạn này: Từ khi chàng ra đi ở nơi cát lùm gió bụi, không biết đêm nay chàng ngủ ở đâu? Nhưng thương ôi! không đợi nói cũng đã rõ! xưa nay những nơi chiến địa, đều là muồn dậm đồng không; lúc đi đường thì gió lạnh người rầu, nước sâu ngựa nản; lúc nằm ngủ thì òm yên gối trống, bãi cát cồn rêu, tình cảnh thì hiểm nghèo, nay Hán xuống Bạch-thành để giữ Hồ, mai Hồ vào Thanh-hải để dòm Hán; non sông thì hiểm trở;

hết núi này cao lại đến khe kia thấp, hết núi này dứt lại đến khe kia liền; những người chinh chiến đi qua đó, chắc là chạnh niềm quê cũ. Chẳng hay nhà vua có thấu tình chẳng? Cái nét mặt phong trần của bọn chinh-phu kia, khôn lấy bút mà vẽ cho hết được. Mấy năm nay chàng ra đi, chắc cũng đã trải qua biết bao nhiêu nơi gành thác, bao nhiêu nơi hiểm nghèo, bao nhiêu nổi dầm mưa dãi nắng, lên núi cao mà trông về quê nhà đất cũ, khôn cầm được nổi nhớ thương.

Chàng từ sang đông nam khơi nẻo,
Biết nay chàng tiến thảo nơi nao?

TIẾN THẢO. — Tấn quân lên đánh giặc.

KHOI NẸO. — Xa khơi.

Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tánh mạng như màu cỏ cây.

MÀU. — Chữ này đây nghĩa là dường như, không phải màu xanh, màu biếc.

Nức hơi mạnh ơn dày từ trước,
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu.

NỨC HƠI MẠNH. — Khi hăm hở làm cho nổi máu nức hùng-hào.

TẢ TRUYỆN. — Vua nước Sở đem quân đi đánh giặc, gặp khi trời lạnh lắm, vua đi tuần trong quân, đem lời an ủi, quân sĩ cảm động đều hăm hở, trở nên ấm nức, như mặc mấy lần áo mền.

NGHÈO. — Hiểm nghèo.

CHỮ THÍCH. — Cảm ơn cơm nặng áo dày nên phải đem nhiệt-thành đối với nước, trải qua những nơi hiểm nghèo làm vậy thì còn sống được bao nhiêu nữa!

Non Kỳ quạnh nẻo trắng treo,
Sông Phi gió thổi diu hiu mấy gò.

NON KỲ.— Ông Hoắc-khứ-Bệnh đời Hán có công đánh thắng giặc ở núi Kỳ-liên để làm kỷ-niệm.

SÔNG PHI.— Người Bồ-Kiên nước Tần đem trăm vạn quân đi đánh Tấn ở sông Phi thủy bị thua, quân mười phần chết đến tám chín phần.

GÒ.— Cồn gò, mả.

CHÚ THÍCH.— Xưa nay những người đi đánh giặc, mấy kẻ được sống mà về, kia mả Non-Kỳ bóng trắng quạnh cõi, nọ mồ Sông-Phi gió thổi hiu hiu, ai là người thăm viếng.

Hồn tử-sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh-phu trắng rọi rọi soi,
Tử sĩ.— Người chết trận.

Chinh-phu tử-sĩ mấy người.
Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn.

MẠC.— Vẽ lại, họa lại.

CHÚ THÍCH.— Hồn tử-sĩ phát phơ ngọn gió, ai kẻ gọi hồn; mặt chinh-phu soi rọi bóng trắng, ai người mạc mặt.

Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhơn qua dò chạnh thương.

HÀNH NHƠN.— Người đi đường.

CHÚ THÍCH.— Kẻ hành nhơn đi qua những chỗ chiến trường đó, trông thấy nước non cảnh cũ, binh lửa dấu xưa, chạnh niềm cảm động cho kẻ trước lại thương cho nỗi mình.

Phận trai già ruổi chiến trường,
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về

CHIẾN TRƯỜNG.— Nơi đánh giặc.

CHÀNG SIÊU.— Ban-Siêu đời Hán, làm tướng đi đánh Tây-Vực, khi đi về thì đầu đã bạc.

CHÚ THÍCH.— Phận làm trai dong ruổi ở nơi chiến trường, từ trẻ đến già, kia như chàng Ban-Siêu đi đánh Tây-Vực về thì đầu đã bạc.

Tướng chàng trải nhiều bề nằng nổ,
Ba thước gươm một cỗ nhung yên.

NẰNG NỔ.— Khó nhọc.

NHUNG YÊN.— Yên ngựa.

Xông pha gió bãi giăng ngàn,
Tên treo đầu ngựa, pháo vang mặt thành.

PHÁO.— Hỏa pháo, súng.

CHÚ THÍCH.— Đầu ngựa tên treo, mặt thành pháo nổ, đã qua những sự xuất sanh nhập tử như vậy.

Áng công-danh trăm đường đồn dã,
Nhưng nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.

ÁNG.— Trường, đường.

DỒN DÃ.— Nóng nảy.

CHÚ THÍCH.— Cũng vì hai chữ công-danh, nên phải trăm đường đồn dã, chỉ thấy những sự nhọc nhằn, chưa được nghỉ ngơi chút nào.

Đoạn này đối với đoạn trên: Từ khi chàng qua đống nam tới nay, không hay bây giờ chàng đánh giặc nơi nao? Thương ôi! xưa nay những người đi tung quân, tánh mạng coi như cỏ, rác, nặng ân cơm áo, trả tới thịt xương, đã biết bao nhiêu người

chết vì việc nước, mờ non Kỳ bóng trăng soi rọi, hồn sông Phi gió thổi điu hiu, cái linh hồn kia theo cùng luồng gió, bạn với bóng trăng, ai là người họa lại kẻ chinh-phu, ai là người chiêu hồn kẻ tử-sĩ, nước non cảnh cũ, biuh lửa dẫu xưa, kẻ hành-nhơn qua đó ai lại chẳng chạnh niềm thương xót. May còn người nào sống về chặng nữa, thì cũng đã già với phong sương, kia như chàng Ban-Siêu đi đánh Tây-vực về thì đầu đã bạc. Chắc chàng đã trải qua biết bao nhiêu viên đạn mũi tên, biết bao nhiêu trăng ngàn gió bãi, đó cũng vì một chữ công danh, nên mới trăm đường dồn dã, chỉ những nhọc nhằn chớ đã được nghỉ ngơi chút nào đâu.

Nỗi lòng, biết ngỏ cùng ai,

Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chơn mây.

CHÚ THÍCH. — Thiếp ở trong chốn khuê-phòng mà chàng ở ngoài chiến-địa, sự khó nhọc của chàng, thì chàng biết; nỗi thương nhớ của thiếp, thì thiếp hay; biết bày tỏ cùng ai được.

Trong cửa này đã đành phận thiếp,

Ngoài mây kia há kiếp chàng vay?

CHÚ THÍCH. — Thiếp là phận nhi-nữ ở trong kh. ê. phòng đã đành không hay cái số kiếp chàng thế nào mà phải đày đọa ở chơn giờ góc biển làm vậy?

Những mong cả nước vui vầy,

Bao ngờ đời ngã, nước mây cách vơi.

CHÚ THÍCH. — Những mong phận đẹp duyên ưa cùng nhau hòa hiệp cả gập nước, ngờ đâu bây giờ nước mây cách vơi, mỗi người một ngã như vậy.

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh-phụ,
Chàng há từng học lũ Vương-tôn.

CHINH-PHỤ.— Vợ người đánh giặc.

VƯƠNG-TÔN.— Tên một người du-tử. Câu hát nước Sở: «Vương-tôn du hề bất qui, phương thảo sanh hề huy huy». Vương-tôn đi mãi không về, vườn xuân/hoa cỏ bốn bề xanh xanh.

CHÚ THÍCH.— Xưa kia thiếp không tưởng thân thiếp sẽ nên một người chinh-phụ, mà chàng cũng có từng học lũ Vương-tôn đâu.

Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thòi sớm thi hôm lại sầu.

CHÚ THÍCH.— Không hay vì đâu mà bây giờ nước non xa cách, khiến cho người sớm nhớ rồi lại chiều trông.

Tràng phong lưu đang chừng niên-thiếu,
Vội nhau cùng dan diu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan-san đề cách hàn huyên bao đành.

HÀN HUYỀN.— Khi lạnh, khi ấm.

CHÚ TRÍCH.— Cùng nhau một bọc phong lưu tuổi trẻ, sánh duyên chưa được bao lâu, nỡ nào phải chịu quan-san cách trở, khi ấm khi lạnh, không được thân gần với nhau?

Thửa làm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về chỉ nẻo quyền ca.

LÀM HÀNH.— Khi ra đi.

OANH. — Chim oanh vàng, về tết tháng hai, hay nhảy nhót trên nhánh liễu.

QUYÊN CA. — Chim đồ quyên là chim quốc kêu về mùa hạ.

Nay quyên đã giục oanh già,
Ý-nhi lại gáy trước nhà liú lo.

Ý-NHI. — Chim ý-nhi nhảy nhót về đầu mùa thu.

CHÚ THÍCH. — Khi chàng ra đi về tiết tháng hai. Chim oanh chưa nhảy nhót trên nhánh liễu, hỏi ngày nào về thì chàng hẹn đến độ quốc kêu là về mùa hạ; nay oanh đã già, quyên đã tới, chim ý-nhi đã gáy trước nhà, thế là hạ sang thu rồi mà chưa thấy chàng về.

Thừa dăng đồ mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.

DĂNG-ĐỒ. — Lên đường, cũng như chữ «âm hành».

MAI. — Hoa mai, trở về tháng mười.

ĐÀO BÔNG. — Tháng hai cây đào có bông.

Nay đào đã quuyến gió đông.
Phù-dung lại đã bên sông bờ sò.

CHÚ THÍCH. — Thuở chàng ra đi về tiết tháng hai, mai chưa dạn gió, thiệp hỏi ngày về thì chàng hẹn đến độ có bông là tháng hai năm sau; nay đào đã hết, phù-dung đã tàn, thế là hết xuân sang hạ, mà vẫn chưa về.

Hẹn cùng ta Lũng-tây-nham ấy,
Sớm đã trông nào thấy tấm hơi.

LŨNG-TÂY-NAM. — Gò đất phía tây.

Ngập ngừng lá rụng cảnh trâm,
Buổi trưa nghe dậy tiếng cầm xôn xao.

TRÂM.— Trâm cài đầu.

CẦM.— Chim.

CHÚ THÍCH.— Khi chàng ra đi, hẹn thiếp đón bả Lũng-tây-nham, buổi sáng thiếp ra trông, nào thấy tăm hơi gì đâu, chỉ những lá rụng giắt vào cành trâm, chim kêu xôn xao trong bụi.

Hẹn nơi nào, Hán-dương cầu nọ,
Chiều lại tìm nào cò tiêu hao.

HÁN DƯƠNG.— Phía nam sông Hán.

TIÊU HAO.— Tin tức.

Ngập ngừng gió thổi áo báo,
Bãi hôm tuôn chảy nước trào mênh-mông.

BÀO.— Áo mặc ngoài.

TRÀO.— Thủy triều.

CHÚ THÍCH.— Khi chàng ra đi hẹn thiếp đón ở cầu Hán-dương, chiều đến thiếp lại ra trông, nào thấy tin tức chàng đâu, chỉ thấy ban hôm nước chảy rỉ rả trên bãi tuôn xuống, ban chiều nước lớn mênh-mông; gió thổi hiu-hiu lạnh-lẽo.

Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã trái rêu xanh.

HOA DƯƠNG.— Hoa cây dương liễu.

Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Bước đi một bước trăm tình ngàn ngơ.

CHÚ THÍCH.— Chàng thường gửi thơ hẹn về mà nào thấy đâu, trước sân hoa dương tàn đã mấy lần;

rêu xanh mọc đã mấy lớp, thời qua vật đổi, mà chàng vẫn chưa về, khiến thiếp dạo bước ngoài sân trông thấy cảnh vật mà trăm tình ngo-ngần.

Thơ thường tới người chưa thấy tới,
Bức rèm thưa, tầng dãi bóng dương.

BÓNG DƯƠNG.— Mặt trời là tượng thái-dương.

Bóng dương mấy buổi xiên ngang,
Nhời sao mười hẹn chín thường đón sai.

CHỮ THÍCH.— Chàng thường gửi thơ hẹn về, mà sai hẹn không thấy về đâu; ngoài rèm (sáo) sớm bóng dương xiên ngang, chiều chiều bóng dương soi rọi, ngày qua tháng lặn chàng vẫn chưa về, khiến thiếp lần lựa hóm mai đau lòng chờ đợi.

Thử tình lại diễn khơi ngày ấy.

Tiền sen này đã này là ba.

DIỄN KHƠI.— Xa khơi.

TIỀN SEN.— (Hà-tiền) Cây liên-địa-tiền lá tròn như đồng tiền, hình như lá sen, nên gọi là tiền-sen, mỗi năm mọc một lần.

NÀY.— Mọc.

CHỮ THÍCH.— Từ khi chàng ra đi tới nay cây tiền sen đã mọc ba lần, thế là đã ba năm rồi.

Xót người lần lửa ải xa,

Xót người nương chốn Huýnh-hoa dậm
trường.

HUÝNH-HOA.— (Hoa-vàng), hoa cúc mọc về tháng chín. Ngày xưa điển linh, cứ tháng chín năm nay đi, tháng chín năm sau về. Gọi là Huýnh-hoa-thú.

Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kia lão-thân khuê-phụ nhớ thương,

GIA THẤT. — Nhà cửa.

LÃO-THÂN. — Cha mẹ già.

KHUÊ-PHỤ. — Vợ ở chốn khuê-phòng.

Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ mắng sừa vâ dương bù tri.

MÁI SƯƠNG. — Mái tóc bạc như sương.

BÙ TRI. — Bồng âm.

CHÚ THÍCH. — Ai không có cha già mẹ yếu, vợ
đại con thơ, chàng có mẹ già cần phải phụng
dưỡng, chàng có con thơ cần phải nuôi nấng.

Lòng lão-thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hải-nhi đương bữa mớm cơm.

TỰA CỬA. — Vương-tôn-Giã thờ vua nước Tề, khi
vua Tề bị mất nước, Vương-tôn-Giã về thăm nhà,
bà mẹ dạy rằng: «Mọi khi con đi, hẹn đến sớm về
mà chưa về, thì mẹ dựa cửa mà trông, là trông
cho con hết bổn phận trung hiếu, yêu vua, yêu
nước. Nay nước mất, vua phải trốn đi, con không
đi lo toan, còn mặt nào về đây mà trông thấy mẹ
nữa».

HẢI NHI. — Con thơ.

Ngọt bùi thiệp đờ hiếu-nam,
Dạy con đèn sách thiệp làm phụ-thân.

NGỌT BÙI. — (Cam chi) miếng ngọt miếng bùi.

HIẾU-NAM. — Con trai hiếu thảo.

PHỤ-THÂN. — Cha,

CHÚ THÍCH. — Mẹ già lấy ai nuôi dưỡng, thiếp thay mặt chàng mà hóm sớm ngộ' bùi; con thơ lấy ai dạy bảo, thiếp thế chàng mà khuyển răn đèn sách.
(Từ hai câu này trở xuống người vợ kể sự khó nhọc của mình).

Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mǎng mẽ biết bao.

MǎNG MỄ. — Bận rộn.

CHÚ THÍCH. — Nay một mình thiếp, trên dưỡng mẹ già, dưới nuôi con dại, nỗi lo toan khó nhọc kể sao cho xiết.

Nhờ chàng trải mấy sương sao.
Xuân từng đời mới, đông nào còn dư.

Dư. — Thừa.

CHÚ THÍCH. — Nhờ từ khi chàng ra đi tới nay, trải bao sương tuyết, vật đời sao đời, đông cũ đã hết, xuân mới đã qua.

Kể năm đã ba tư cách diển.
Mỗi sàu thêm ngàn vạn ngồn ngang.

CÁCH DIỂN. — Xa cách.

CHÚ THÍCH. — Chàng ra đi đã ba bốn năm nay, nghĩ bao nhiêu lại thêm cực lòng bấy nhiêu.

Ước gì gần gũi tác gang,
Dở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

TÁC GANG. — Chỉ xich.

CAY ĐẮNG. — Tân khổ.

CHÚ THÍCH. — Ước gì thiếp được ở gần chàng để kể hết nỗi niềm cay đắng để chàng rõ.

Thoa cung Hán, thuở ngày xuất giá,
Gương lầu Tần dấu đã soi chung.

THOA CUNG HÁN. — (Thoa) nút đeo tai, bông tai. Vua Võ-đế nhà Hán có nàng công-chúa tiên cho một đôi thoa ngọc-yến. Có một người cung nữ mưu ăn trộm cái thoa ấy, khi mở hộp ra thấy con yến trắng bay lên trời mất. Đây dùng chữ thoa cung Hán là nói cái thoa qui.

XUẤT GIÁ. — Ra lấy chồng, về nhà chồng.

GIƯƠNG LẦU TẦN. — Vua Thủy-hoàng đời Tần có cái kiến soi thấy biết bụng kẻ ngay người gian; người con gái nào bất chánh, lấy cái kiến đó soi vào bụng, thì vỡ trái tim mà chết.

Cậy ai mà gởi tới cùng,

Đề chàng thấu hết tấm lòng tương-tư.

TƯƠNG-TU, TƯƠNG TƯ. — Cùng nhớ nhau.

CHÚ THÍCH. — Đã không được gần gũi mà than thở cùng nhau, có đôi thoa kia là đồ nữ trang của thiếp khi về nhà chàng, cái kiến kia à của thiếp cùng chàng soi chung ngày trước, không biết cậy ai gởi tới nơi chàng ở, cho chàng thấu biết cái lòng tương-tư của thiếp.

Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nhĩa,

Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.

Cậy ai mà gởi tới nơi,

Đề chàng trân-trọng dấu người tương-thân.

TRÂN TRỌNG. — Lấ làm qui báu, yêu dấu.

TƯƠNG THÂN. — Cùng nhau yêu nhau.

CHÚ THÍCH. — Có đôi nhẫn đeo tay của thiếp, mọi khi chàng thường hay ngắm nhĩa. Cái ngọc cài đầu của thiếp thuở bé chàng với thiếp cùng vui chơi;

không biết cậy ai gởi tới nơi chàng ở để chàng
trân-trọng cái đầu tích của một người tương-thân
cùng chàng.

Trái mấy xuân tin đi tin lại,
Tới xuân này tin hãy vắng không.

MẤY XUÂN.— Cũng như nói mấy năm.

CHÚ THÍCH.— Trái mấy năm nay tin tức của chàng
gởi về luôn luôn, mà tới năm nay chưa có tin tức
chi cả.

Thấy nhận luống tưởng thơ phong,
Nghe hơi sương, sấm áo bông sẵn sàng.

NHẬN.— Chim hồng-nhạn. Đời Hán, ông Tô-Vô
đi sứ bên Hung-nô. Hung-nô bắt ông đày ra biển
bắc, không thể tin tức về Hán được. Ông bắt được
con chim nhận, viết một phong thơ buộc vào chân
nhạn rồi thả ra. Về sau vua Hán đi bắn ở vườn
Thượng-lâm, bắn được con nhạn đó, mới biết được
tin ông bị đày. Truyện Kiều có chữ «tin nhận nhẩn».

CHÚ THÍCH.— Trông mong tin chàng mà chưa
thấy, thấy chim nhận cũng tưởng có thơ chàng
gởi về chăng. Nghe hơi sương xuống thì đã sẵn
sửa áo bông sẵn sàng, độ khi chàng về để chàng mặc.

Giò tây nổi không đương hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quên sương sa.

HỒNG.— Chim hồng-nhạn. Hai chữ «Hồng-nhạn»
đùng đi liền với nhau, hoặc dùng một chữ «hồng»
hay một chữ «nhạn» cũng được, cũng đều dùng
nói ý gởi thơ.

QUÊN.— Che, phủ.

CHÚ THÍCH. — Về mùa có gió đông mới có chim hồng, bây giờ gió tây, không có chim hồng đang gửi thơ cho chàng, nghĩ mà thương thay cho chàng bị tuyết quén sương sa ở ngoài muôn dặm.

Màn sương trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cỏi ngoài.

CHÚ THÍCH. — Độ này về độ gió lạnh, mà chàng ở cỏi ngoài, nằm vùng cát, ngủ cồn rêu, sương làm màn, tuyết làm trướng, nghĩ tới lạnh lẽo thay cho chàng.

Đề chữ gấm phong rồi lại mở,
Gieo bói tiền tin dở còn ngờ.

ĐỀ CHỮ GẤM. — Người Đâu-Thao đòi Tấn đi thú ở Lư-sa. Vợ là Tô-thị dệt gấm làm một bài thơ dâng cho vua xin cho chồng về. Vua thương tình bèn cho Đâu-Thao về.

CHÚ THÍCH. — Lòng thiết thương nhớ chàng lắm, những toan bắt chước nàng Tô-Huệ dệt gấm dâng cho vua, xin cho chàng về nhưng không chắc có được không nên đã niêm phong định gửi rồi lại ngần ngại mà mở ra; lại nhiều khi gieo bói tiền dặng coi lảnh dữ thế nào, thì quẻ bói ra nửa tin nửa ngờ, không hay có thiệt chẳng.

Giời hôm tựa cửa ngần ngờ,
Trăng khuya nương gối, bơ xờ tóc mai.

CHÚ THÍCH. — Chiều chiều lại tựa cửa trông chàng ngần ngờ, nào thấy chàng về đâu? Đêm thì bóng trăng rời rọi, bạn cùng gối lể, chăn đơn, mái tóc bơ xờ, hồn mai thơ thẩn.

Há như ai hồn say, bóng lẩn,
Bông thơ thơ thẩn thẩn hư không.

CHÚ THÍCH.— Không phải bệnh hôn mê, mà khi không bông nên thơ thần như đại, như ngày.

Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng,
Lếch vùng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.

CHÚ THÍCH.— Trâm không muốn cài, xiêm không muốn giắt, mái tóc bờ xờ, lưng eo mỏng mõi, đó cũng vì nội thương nhớ mà bông nên thơ thần làm vậy.

Dạo hiên vắng thềm gieo từng bước,
Ngoài rèm thưa rủ thác đòi phen.

RỬ.— Bỏ xuống.

THÁC.— Cuốn lên.

CHÚ THÍCH.— Không biết làm sao cho đỡ buồn được, chỉ lững thững dạo bước ngoài hiên, rồi lại khi bỏ rèm xuống khi cuốn rèm lên cho khuấy khuấy.

Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường có bóng đèn biết chẳng?

THƯỚC — Chim thước là một thứ chim báo tin mỗi khi nhà người ta có sự gì lành dữ sẽ đến, thì có chim thước bay tới trước nhà kêu mấy tiếng báo tin trước. Người Bắc hay gọi là chim khách, c hũ nghĩa có khách sẽ tới thì nó báo tin trước.

Đèn có biết dường bằng không biết,
Lòng thiếp thêm bi thiết mà thôi.

CHÚ THÍCH.— Không hay đèn có biết nỗi mình chẳng! mà nếu đèn có biết cho nữa cũng dường như không biết, nào có đem lời chi mà an ủi mình được đâu; trông thấy bóng đèn lại khiến lòng thiếp thêm buồn rầu mà thôi.

Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.

CHÚ THÍCH. — Buồn rầu trong bụng, nhưng không biết nói cùng ai, ngọn đèn thấp-thoáng đối với bóng người thần-thơ thiệt là đáng thương.

Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hòe phát phơ rủ bóng bốn bèn.

TRỐNG. — Trống canh.

HÒE. — Cây hòe trồng trước sân. Truyện Kiều có chữ «sân hòe»

CHÚ THÍCH. — Trống canh năm gà gáy eo óc, bốn bèn sân hòe rủ phát phơ, trong khi buồn thì tai nghe mắt thấy cái gì cũng đều thêm sự buồn cho mình cả.

Khắc trời đằng đằng mấy niên,
Mối sâu dần-dặc tựa miền biển xa.

CHÚ THÍCH. — Trong lúc nhớ nhau thì một khắc lâu bằng mấy năm, mà mối sâu sâu như biển.

Hương gượng đốt hồn đã mê mối,
Gương gượng soi lệ lại chứa-chan.

LỆ. — Nước mắt.

CHÚ THÍCH. — Gượng đốt hương cho đỡ buồn, nhưng thấy mùi hương thì hồn đã mê mối. Gương soi kiến, nhưng trông vào kiến thì giọt nước mắt chảy ngay.

Sắt, cầm gượng gảy ngón đờn,
Dây uyên kinh đứt, phím-loan ngại chùng.

DÂY UYÊN. — Chim uyên-ương con trống và con mái, bay cùng bay, đậu cùng đậu, khi ngủ thì giao

đầu lại với nhau, nên nói về duyên vợ chồng thường dùng chữ « đôi lứa uyên-ương ». Người xưa có đặt bài ca Uyên-ương-tử, hiệp vào đờn ti-bà; Đây dùng chữ « Dây-uyên » nghĩa là cái dây đờn gảy khúc hát uyên-ương.

PHIM-LOAN.— Đờn Hán có người dâng vua một thứ keo loan (loan giao) dùng gắn phim đờn.

CHÚ THÍCH.— Gượng gảy đờn, cầm lấy đờn thì phim-loan dùng, dây uyên đứt.

(Bốn câu này nói : trong khi buồn thì không thể làm sao chó khuấy được).

Lòng này gởi gió đông có tiện,

Ngàn vàng xin gởi tới non Yên.

NON YÊN.— Núi Yên-nhiên.

CHÚ THÍCH.— Lòng này nếu có thể gởi gió đông tới núi Yên-nhiên cho chàng được, thì dầu ngàn vàng cũng không tiếc.

Non Yên dầu chẳng tới miền,

Nhờ chàng đẳng đẳng đường lên bằng trời.

CHÚ THÍCH.— Đã chẳng gởi tới non Yên được thì lòng nhờ chàng lại càng đẳng đẳng như đường lên trời.

Trời thăm thăm xa với khôn thấu,

Nỗi nhớ chàng đau đớn nào xong.

CHÚ THÍCH.— Lòng nhớ chàng đau đớn không bao giờ cùng, khác nào đường lên trời thăm thăm không bao giờ thấu.

Cảnh buồn người thiết tha lòng,

Cảnh cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.

TRUNG.— Sầu.

CHÚ THÍCH.— Người càng buồn rầu thì cảnh càng thiết tha, nhành cây trong lúc sương đượm, thấy càng buồn rầu tiều tụy trong lúc mưa phun nghe càng thấm thiết.

Sương như búa bổ mòn vóc liễu.

Tuyết dương cửa xẻ héo cảnh ngô.

Ngô.— Cây ngô-đồng đến mùa thu thì rụng lá.

CHÚ THÍCH.— Gốc liễu vì sương mà mòn, cảnh ngô vì tuyết mà héo, trong thấy cây cỏ lại ngấm mình trải nổi đắng cay, khiến nên thân gãy vóc yếu.

Giọt sương phủ, bụi chim gù,

Sầu tường kêu vắng, tiếng chùa nện khơi.

CHÚ THÍCH.— Tiếng sương giọt đầu nhành pha vớ tiếng chim gù trong bụi. Tiếng sàu kêu bên tường, lẫn với tiếng chuông nện chùa xa, đêm vắng một mình, nghe những tiếng đó lại càng gọi lòng sầu thảm.

Và tiếng dế nguyệt soi trước ốc,

Một hàng tiều gió thốc ngoài hiên.

Tiều.— Cây chuối.

Gió thốc.— Gió thổi lật lá.

Ốc.— Nhà.

CHÚ THÍCH.— Rọi rọi bóng trăng, nỉ non tiếng dế, chấp chờn gió thổi, xờ xác hàng tiều. Cảnh ấy xiết bao buồn bã.

Lá màn lay, ngọn gió xuyên,

Bóng hoa theo bóng nguyệt lèn trước rèm.

Hoa giải nguyệt, nguyệt im từng tấm,

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết bao.

CHÚ THÍCH. — Ngọn gió xuyên ngang, lá màn rung động, bóng trăng rọi bóng hoa trên rèm; hoa giải dưới nguyệt, thì bóng nguyệt thành hoa; nguyệt chiếu trên hoa, thì vẻ hoa càng thắm. Than ôi! cùng lúc trước hoa dưới nguyệt, gặp người vui càng thêm vui, mà gặp người buồn lại thêm cảnh buồn, người rầu thì cảnh cũng rầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Đâu xiết kể trăm sầu nghìn nã,
Từ nữ-công, phụ-xảo đều nguôi.

NỮ CÔNG. — Mỹ-nghệ của đờn bà, như thêu thùa, bánh trái v. v. PHỤ-XẢO: Đồ tinh xảo của đàn bà làm ra.

CHÚ THÍCH. — Trăm sầu ngàn nã không kể hết được, những trông thấy cảnh vật mà buồn, cho đến cả phụ-công, phụ-xảo cũng đều biến cả.

Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đòi thẹn dẹt, bướm đòi thẹn thừa.

CHÚ THÍCH. — Một mình vò vố, gổi chiếc chần đơn không được như loài bướm loài oanh cùng nhau liên cánh chấp cánh, dẹt oanh đòi, thừa bướm đòi, mà nghĩ mình luống những thẹn thùng.

Mặt biếng tò, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều rời rôi nương song.
Nương song luống ngần ngơ lòng,
Vắng chàng điếm phấn trang hồng với ai?

SONG. — Cửa sổ,

TRANG.— điếm trang.

CHÚ THÍCH.— Sớm hôm tựa cửa ngơ ngẩn trông chồng, mặt không muốn tỏ, miệng không muốn nói, là vì chồng đi vắng thì tỏ hồng điếm phấn làm chi.

Biếng trang điếm vì lòng sầu tủi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi Giang-lãng.

GIANG-LÃNG.— Tên đất.

CHÚ THÍCH.— Thương hại cho chàng đương dầm mưa dãi nắng ở ngoài Giang-lãng, kia thiếp còn nỗi lòng nào mà tỏ son điếm phấn.

Khác nào ả Chức, chị Hằng,

Bến Ngân sùi-sụt, cung trăng chốc-mòng

Ả CHỨC.— Bên dòng sông Ngân-hà, có vì sao Chức nữ (con gái dệt vải) là cháu của Thiên-đế, vốn siêng năng về đường nữ-công. Về sau lấy vì sao Khiên-ngưu, rồi say mê về ái tình mà sanh biếng-nhác. Thiên-đế giận bắt Khiên-ngưu ở bên tây sông Ngân-hà, Chức-nữ ở bên đông sông Ngân-hà. cứ mỗi năm cho tới ngày mồng bảy tháng bảy, được gặp nhau một lần mà thôi.

BẾN NGÂN.— Bến sông Ngân-hà. tức là đền Khiên-ngưu, và Chức-nữ.

CHỊ HẰNG.— Hằng nga.— Người Hậu-nghệ được thứ thuốc sống lâu không chết của tiên Vương-mẫu cho. Vợ là nàng Hằng-nga ăn trộm chạy lên cung trăng trốn.

CHỐC MÒNG.— Trần trọc một mình.

SÙI SỤT.— khóc.

CHÚ THÍCH.— Thân thiếp một mình ở chốn khuê-phòng, khác nào Ả Chức sùi sụt ở bên sông Ngân, chị Hằng trần trọc ở trong cung nguyệt.

Sầu òm nặng, hây chông làm gỏi
Muộn òm dầy, hây thối làm cơm.

MUỘN.— Buồn rầu.

CHÚ THÍCH.— Chắc sầu làm gỏi, thối muộn làm cơm, nghĩa là vì sầu não mà ngày quên ăn đêm quên ngủ.

Mượn hoa, mượn rượu giải buồn,
Sầu làm rượu lạt, muộn làm hoa òi.

ÒI.— Mất mùi hương.

CHÚ THÍCH.— Muốn mượn hoa, mượn rượu, dặng giải cơn buồn, nhưng sầu làm cho rượu lạt, muộn làm cho hoa òi, cũng không thể giải buồn được.

Gỗ sênh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đờn tranh mấy phím rời tay.

CHÚ THÍCH.— Đem sanh gỗ dặng giải phiền, mới được vài hồi, lại càng phiền mà gỗ không nên tiếng. Ôm đờn gảy dặng tiêu khiển, mới được mấy phím; lại càng buồn mà gảy đã ngang cung.

Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa mong mỏi hết dầy lại vui.

HÀNH DỊCH.— Đi làm việc quan, đi lính.

CHÚ THÍCH.— Mối sầu đứt nỗi, nỗi thắm dầy vui, nghĩ tới người hành dịch ở ngoài dặm xa bấy nay lại càng thương xót.

Ca quyên gheo, lảm rơi nước mắt,
Trống tiêu khua, như đục buồng gan.

CA QUYÊN.— Con quốc kều.

TIÊU.— (Tiêu tự) chùa.

Võ vàng đôi khác dong nhan,
Khuê-ly mới biết tân toan dương này.

DONG NHAN.— Nét mặt nhan sắc.

KHUÊ LY.— Li biệt.

TÂN TOAN.— Cay chua.

CHÚ THÍCH.— Vì nổi thương nhớ mà nhan sắc nên
võ vàng kém xưa, cho nên biết có trái nổi biệt li mới
tỏ niềm cay đắng.

Nếm chua cay tấm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai.
Vi chàng dễ thiếp lẽ loi,
Vi chàng thân thiếp lẽ loi mọi bề.

CHÚ THÍCH.— Vi chàng nên thiếp phải cay đắng,
vi chàng nên thiếp phải lẽ loi, nói đi nói lại câu đó,
bởi vì ái tình càng sâu nên trông mong càng thiết,
trông mong càng thiết mà không thấy thì đem lòng
hờn tủi. không phải là oán.

Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng.
Lệ thiếp nào chút vương bên khăn.

CHÚ THÍCH.— Thân thiếp chẳng gần dưới trướng
nước mắt thiếp không vương bên khăn, thì chàng có
thấu cái nỗi đau đớn của thiếp đâu.

Bui còn hồn mộng được gần,
Đêm đêm thương tới giăng tân tim người.

CHÚ THÍCH.— Chỉ còn mộng hồn của thiếp đêm nào
cũng. thấy tới bến sông tim chàng dặng cùng
chàng sum hiệp trong giấc chiêm bao mà thôi.

Tim chàng thuở Dương đài chốn cũ,
Gặp chàng nơi Tương-phố bến xưa.

DƯƠNG ĐÀI.— Tên đền. Vua Tương-vương nước Sở nằm mộng thấy gặp người gái tiên ở đền Dương-đài.

TƯƠNG-PHỐ.— Chàng Huỳnh-sanh nằm mộng cùng đi chơi với một người nữ nhơn ở bên sông Tương-phố.

Sum vầy những lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.

CHÚ THÍCH.— Đêm đêm thiếp mơ tưởng được gặp chàng ở nơi nọ nơi kia, nhưng đó chẳng qua là một giờ mộng xuân đó thôi.

Giận thân thiếp lại không bằng mộng,
Theo cùng chàng bến Lũng thành Quan.

CHÚ THÍCH.— Giấc mộng kia còn được cùng chàng sum vầy đôi lúc, giận thân thiếp không được như giấc mộng đặt tới bến Lũng, thành Quan mà gần gũi cùng chàng.

Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

CHÚ THÍCH.— Khi mơ màng được gặp chàng, đến khi tỉnh dậy lại tiếc mà lại giận sự được gặp chàng đó chẳng qua là trong lúc mơ màng đó thôi.

Bui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi.

BUI.— Chỉ có,

CHÚ THÍCH.— Giấc mộng kia còn có khi tàn, nhưng lòng thiếp đeo đuổi cùng chàng không bao giờ nguôi,

Lòng theo nhưng chưa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vờ bánh xe.

CHÚ THÍCH.— Lòng thiếp theo chàng nhưng chưa được thấy, lắm lúc lên gò cao đặng ngó trông coi xe chàng đã về chưa.

Trông bên nam, bãi che mặt nước,
Cỏ biết um, giâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước gành chiều hôm.

NHÀ THÔN.— Nhà người ta ở trong làng

CHÚ THÍCH.— Trông sang nam, chỉ thấy trắng phơi bãi cát, xanh biếc rừng giâu, trong xóm chen chút mấy nhà lá, trước gành chiều hôm bầy cò đậu nào thấy chàng đâu!

Trông đường bắc, đôi chòm quán khách,
Rờm rả cây xanh ngắt núi non.

Lúa thành thoi-thóp bên cồn,
Nghe thoi ngọc-địch véo von bên lầu.

QUÁN KHÁCH.— Nhà cho khách ngụ

LÚA THÀNH.—Lúa tốt cao như bức thành.

THOI THÓP.— Chỗ cao chỗ thấp

NGỌC ĐỊCH.— Ống sáo.

CHÚ THÍCH.— Trông về phía bắc, chỉ thấy lơ-thơ quán khách, xanh ngắt núi non, lúa bên cồn thoi thóp, sáo bên lầu véo von, nào trông thấy chàng đâu!

Non dòng thấy lá hầu chất đống,
Trĩ sập sè, mai cũng bẻ bai.
Khởi mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.

TRÌ —. Chim trĩ. Người chẵn trâu nước Tề tuổi già không có vợ, thấy chim trĩ con trống con mái theo nhau, bèn làm khúc hát(trĩ-song-phi).

SẬP SÈ.— Dáng chim bay

BỄ BAI.— Cảnh cây bị gió

BẠT.— Bị gió thổi xiêu lạc

CHÚ THÍCH.— Trông về phía đông, chỉ thấy lá rơi chát đống khói bay nghi ngút, cảnh mai phơ phất, chim trĩ sập sè, con chim bị gió thổi lạc loài, tiếng kêu ai oán trong đám sương mù, nào trông thấy chàng đâu!

Lũng tây chảy nước nhường uốn khúc,
Nhạn liệng không, sóng đục thuyền câu.
Ngàn thông chen chóc khóm lau,
Cách gành thấp thoáng người đâu đi về.

Lũng.— Chỗ khe chảy

KHÔNG.— Trên không gian

Gành.— Chỗ đầu núi chạy ra sông, biển

CHÚ THÍCH.— Trông về phía tây, chỉ thấy dòng nước uốn quanh, trên không thì đàn nhạn liệng vờ, dưới sông thì thuyền câu sóng vỗ, khóm lau chen chóc dưới ngàn thông, cách gành thấp thoáng người đi về, nào trông thấy chàng đâu!

Trông bốn bề chân gởi mặt đất,

Lên xuống lầu thấm thoát đời phen.

CHÚ THÍCH.— Mỗi ngày lên lầu mấy lần đứng trông quanh bốn bề mà nào thấy chàng đâu,

Lớp mây ngưng mắt khôn nhìn,
Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc-Quan.
NGỌC-QUAN.— Cửa Ngọc-Quan ở nơi giáp giải.

CHÚ THÍCH. — Bốn bề bị lớp mây che lấp, không thể thấy miền Ngọc-quan là nơi chàng đương chinh chiến được.

Gậy rút đất giạn không học chước,
Khăn gieo cầu nào được thấy tiên.

GẬY RÚT ĐẤT. — Ông Phi-tràng-Phòng học với ông tiên Hồ-công, được phép rút đất, lấy roi chỉ xuống đất thì quang đường xa ngàn dặm, như ở trước mắt, buông roi ra lại xa như cũ.

KHĂN GIEO CẦU. — Trong truyện Liệt-tiên, lấy khăn thư bùa rồi buộc vào mình, còn một đầu liên theo phương nơi người kia ở, dẫu xa ngàn dặm, cũng có thể giây phút tới nơi được.

CHÚ THÍCH. — Giạn mình không học được chước rút đất, phép gieo khăn, đặng thường được gần gũi cùng chàng.

Lòng này hóa đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trông lâu.

HÓA ĐÁ. — Chồng nàng Tô-thị là Tô-Huệ, đi linh không về, nàng lên núi đứng trông, hóa thành hòn đá. Về sau người ta gọi hòn đá ấy là (vọng phu thạch) đá trông chồng.

CHÚ THÍCH. — Lên lâu trông mong, khóc hết nước mắt mà không thấy, lòng này chắc cũng có một ngày kia hóa ra hòn núi đá vọng-phu vậy.

Lúc ngảnh lại ngắm màu dương-liều,
Thời khuyển chàng đừng chịu tước phong.

DƯƠNG LIỀU. — Cây dương liễu. Người con gái đương lúc tuổi trẻ, ví như cây dương-liều đương mùa xuân.

CHÚ CHÍCH. — Trông thấy cây dương-liều đương xuân tươi tốt, thì lại tiếc thắm, rằng: có biết vậy thì

xưa kia khuyển chàng đừng ham công danh mà bỏ
tình gia-thất, đặng vợ chồng sum vầy cùng nhau,
khỏi uổng phí thời giờ trong lúc đầu xanh tuổi trẻ
này.

Chẳng hay muòn dạm ruồi dong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng?

CHÚ THÍCH.— Không hay chàng ruồi dong ngoài
muòn dạm, có nghĩ như thiếp chẳng?

Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp nào dám nghĩ gần xa.

CHÚ THÍCH.— Nếu lòng chàng cũng một lòng nghĩ
như thiếp, thì thiếp còn dám oán hận chàng chi đâu?

Hương-dương lòng thiếp như hoa.
Lòng chàng lẫn-thần e tà bóng dương.

DƯƠNG.— Mặt trời là tượng thái-dương

HƯƠNG DƯƠNG.— Hoa qui cứ ngánh theo bóng mặt
trời.

TÀ.— Xế.

CHÚ THÍCH.— Lòng thiếp theo chàng, như bông
qui theo bóng mặt trời lặn, nhưng e lòng chàng
không nghĩ chi đến thiếp, cũng như bóng mặt trời
lặn, thì hoa qui biết ngánh vào đâu!

Bóng dương dể hoa vàng không đoái,
Hoa dể vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng dêm sương mấy lần.

CHÚ THÍCH.— Hoa vàng, hoa rụng, đều bởi bóng
dương, cái hoa vàng rụng ở quanh tường kia còn tốt
đẹp chi nữa, ôi! bóng thái-dương kia đã nỡ lòng
không đoái tới hoa, làm cho hoa rụng dêm sương đã
mấy lần rồi! chàng không nghĩ tới thiếp, làm cho

thiếp phải phai đào ủ liễu tới nay cũng mấy niên rồi!

Chồi lan nở trước sân đã hái,
Ngọn hồng tàn bên bãi đũa hương.

LAN. — Lan nở về mùa xuân
HỒNG TÀN. — Hoa hồng tàn nở về mùa đông.
Hai câu này là nói cảnh vật thay đổi.

Sửa xiêm dạo bước tiền-đường,
Ngửa trông xem vẽ thiên-chương thần thờ.

TIỀN ĐƯỜNG. — Hiên trước
THIÊN CHƯƠNG. — Thiên văn

Bóng Ngân-hán khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê-triên buổi có buổi không.

NGÂN-HÁN. — Sông Ngân-hà về mùa thu thì tỏ, cuối thu thì mờ.

KHUÊ TRIÊN. — Mặt trời về mùa xuân, hạ đứng vào phạm đã sao khuê; về thu, đông lại đứng về phạm đã sao khác.

Thức mây đòi lúc nhạt nồng,
Chuôi sao Bắc-đầu thôi đông lại đoài.

CHUÔI SAO BẮC-ĐẦU. — Sau Bắc-đầu có bảy cái, xuân hạ thì chuôi trở về phía đông, thu đông..... chuôi trở về phía tây.

ĐOÀI. — Phương tây.

CHÚ THÍCH. — Trông cảnh vật thì lan đã tàn hồng lại nở. Trông thiên văn thì bóng sông Ngân đã mờ tỏ mấy lớp, độ khuê-triên đã mấy phen có không: thức mây nồng rồi lại nhạt, chuôi đầu đông rồi lại đoài, vật đổi thời qua mà chàng vẫn chưa về.

Một năm một nhật mũi son phấn,
Trượng-phu còn thơ-thần miền khơi.

TRƯỢNG-PHU. — Người chồng.

CHÚ THÍCH. — Xuân chẳng đợi người. son ngày một phai, phấn ngày một lạt, mà trượng-phu còn thơ-thần ở ngoài dặm xa.

Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nở đẽ cách với Sâm, Thương.

HÌNH. — Hình một vật gì. Ảnh là bóng cái vật, hình ở đâu thì bóng ở đó, không bao giờ xa nhau.

SÂM. — Sao buổi hôm mọc về phương tây;

THƯƠNG. — Sao buổi sáng mọc về phương đông;
hai sao đó không bao giờ thấy nhau.

CHÚ THÍCH. — Trước sao đôi ta không hề rời nhau như hình với bóng, bây giờ sao nở cách nhau mỗi người một nơi như sao Sâm với sao Thương.

Chàng ruỗi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hải lâu cũ rêu in.

HẢI. — Giày thêu của đàn bà đi.

Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lơ hết mấy phen lương thời.

LƯƠNG THỜI. — Thì giờ tốt.

CHÚ THÍCH. — Chàng ra đi một ngày một vắng, làm lỡ làng bao nhiêu thì-giờ tốt, nghĩ mà đáng thương.

Xảy nhớ khi cảnh Diêu, dóa Ngụy,
Trước gió xuân vàng tia sánh nhau.

CẢNH DIÊU. — Nhà người Diêu-Sùng có trồng hoa mẫu-đơn vàng.

ĐÓA.— Cảnh bông.

ĐÓA-NGUY.— Nhà người Ngụy-nhơn trồng hoa mẫu-đơn tía.

CHÚ THÍCH.— Nhìn trông cây cỏ, kia đóa Ngụy đỏ, nọ cảnh Diêu vàng, cùng nhau khoe tươi trước gió xuân.

Nọ thi ả Chức chàng Ngưu,

Tôi giảng thu lại bắc cầu sang sông.

Ả-CHỨC.— Chức-nữ. NGƯ.— Ngưu-lang.

CHÚ THÍCH.— Chức-nữ ở phía đông sông Ngân-hà. Khiên-ngưu ở phía tây sông Ngân-hà, mỗi năm đến ngày mừng bảy tháng bảy qua sông cùng hội với nhau một lần.

Trông lên thiên vãn, kia ả Chức-nữ, nọ chàng Khiên-ngưu, cùng nhau vui vầy trong lúc giảng thu.

Thương một kẻ phòng không luống giữ,
Thời tiết lạnh nhằm nhớ đòi nau,

NAU.— Phên

CHÚ THÍCH.— Thương phận thiệp phòng không võ võ, làm lỡ biết bao nhiêu thì giờ tốt, mùa xuân thì không được như hoa kia cỏ nọ, mùa thu thì không được ả Chức chàng Ngưu.

Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thắm thoát qua màu xuân xanh,
Xuân xanh dễ giận quanh ở dạ,
Hợp, ly đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhiều mối tơ bời,
Liều bõ hầu dễ ép nài chiều xuân.

LIỀU BỒ.— Một thứ cây rất yếu, chưa tới mùa thu đã vàng rụng, tỉ với đàn bà đa sầu.

CHÚ THÍCH. — Ngày tháng thoi đưa, đời người thắm thoát, ly nhiều hiệp ít, buồn quá hơn vui, tiếc thay thân phận liễu bờ, hầu để ép chúa xuân chờ đợi.

Kia Văn-quân mĩ miều thưở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan lang,
Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.

VĂN-QUÂN. — Nàng Trác-văn-quân là một người con gái có đủ tài sắc.

PHAN-LANG. — Chàng Phan-an là một người con trai rất đẹp.

MẶT HOA. — Nét mặt đẹp như hoa.

CHÚ THÍCH. — Dầu tài sắc đến như nàng Văn-quân, đẹp đến như chàng Phan-an, mà đến khi tuổi già cũng chẳng ra gì.

Nghĩ nhan sắc dường chừng hoa nở,
Tiếc quang-âm lẫn lửa gieo qua.
Nghĩ mạng bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy lúc sầy ra mẹ giòng.

QUANG ÂM. — Bóng nắng, ngày tháng

NIÊN HOA. — Tuổi người ta trẻ rồi già cũng như hoa nở lại tàn.

MẸ GIÒNG. — Đàn bà đã nhiều tuổi.

CHÚ THÍCH. — Nhan sắc đàn bà như bông hoa nở có một thì, nghĩ mà tiếc ngày cho người mạng bạc, gái tơ kia mấy lúc đã trở nên mẹ giòng, mà trong khi liễu yếu đào tơ lại trải qua nhiều nỗi biệt li làm vầy,

Gác nguyệt nọ mơ màng vẽ mặt,
Lầu hoa kia phảng phất mùi hương.

CHÚ THÍCH. — Bước lên gác nguyệt lầu hoa, thiếp những mơ màng vẽ mặt, phượng phát mùi hương, tưởng dường như chàng ở đâu đó.

Trách giờ sao để lơ lửng,
Thiếp rầu phận thiếp, rầu chàng chẳng quên,

CHÚ THÍCH. — Trách ông trời kia sao nỡ làm lơ lửng cái thì giờ tốt của đôi ta, thiếp rầu phận thiếp bao nhiêu thì lại rầu cho chàng bấy nhiêu.

Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng rập riu chẳng vội phàn trương.

UYÊN. — Chim Uyên. Con trống gọi là Uyên, con mái gọi là Ương, hai con ấy đậu thì đậu đôi, bay thì bay đôi, khi ngủ thì giao cổ với nhau.

PHÀN TRƯƠNG. — Phàn li.

CHÚ THÍCH. — Kia coi chim uyên, ương ở ngoài đồng khi bay, khi đậu, cũng đều có đôi mà không nỡ rời nhau.

Chẳng xem chim yến trên lương,
Bạc đầu không nỡ đôi đường rẽ nhau.

YẾN. — Chim sẻ

LUƠNG. — Rường nhà

CHÚ THÍCH. — Lại coi chim yến ở trên rường nhà, sống cùng nhau tới khi già cũng không bao giờ rẽ nhau.

Kia loài sâu hai đầu cùng sánh,
Nọ loài chim chấp cánh cùng bay;

SÁCH QUẢNG SỰ LOẠI. — Có thứ sâu: một con có mắt mà không chơn, một con có chơn không mắt, hai con cứ dựa nhau mà đi.

Phượng nam có một thứ chim, mỗi con có một mắt một cánh, cứ cặp nhau mà bay gọi là chim kiêm-kiểm.

Liễu sen là thứ cỏ cây,

Đôi hoa cùng sánh, đôi dây cùng liền.

CHÚ THÍCH. — Đời Chiến-quốc: Người Hàn-băng có vợ là Hà-thị rất đẹp. Vua nước Tống giam Hàn-băng hiếp lấy Hà-thị. Hàn-băng tự sát, Hà-thị cũng chết để thờ lại xin đem thầy nàng táng chung với Hàn-băng. Vua Tống giận truyền chôn riêng. Về sau trên mỗi một cái mả ấy đều sanh hai cây tử, dưới gốc thì rễ quấn với nhau, trên ngọn thì cành giao với nhau.

SEN. — Người Trương-liêm-Xuân lấy vợ cùng làng là Tào-Bích, khi có giặc đến phá thành, Trương vội vàng cùng Tào-Bích đi trốn, tới lúc nguy cấp, cùng nhảy xuống ao mà chết. Được hơn một năm, bỗng thấy trong ao đó sanh một thứ sen một đế mà hai bông, thơm tho dị thường.

Ấy loài vật tinh duyên còn thế,

Sao kiếp người nữ đề dấy dầy.

CHÚ THÍCH. — Nhỏ như loài sâu, loài chim, vô tri như loài liễu, loài sen, còn có ái-tình thân mật cùng nhau như vậy, kiếp người sao nữ đề kẻ dấy người dầy, lại không được như giống vật.

Thiếp xin về kiếp sau này,

Như chim liền cánh như cây liền cành.

CHÚ THÍCH. — Kiếp này đã vậy, kiếp sau này thiếp xin làm chim liền cánh, cây liền cành, đặng sum vầy cùng nhau.

Đành muôn kiếp chử tình đã vậy,

Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.

CHÚ THÍCH. — Nhưng đã đành, thà chết mà được gặp nhau còn hơn sống mà lìa nhau; nhưng, than ôi! chết mà được gặp nhau chi bằng sống mà gặp nhau còn hơn.

Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,

Thiếp xin giữ mãi lạy máu trẻ trung.

CHỮ THÍCH.— Vậy thiếp xin chúc cho chàng đừng già mà thiếp còn trẻ mãi, đặng cùng nhau sum hiệp kiếp này.

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,

Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bèn.

Chàng nương vầng nhật phủ nguyên,

Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.

NƯƠNG VẦNG NHẬT.— Ông vua vi như mặt trời, ông quan được gần vua vi như được gần mặt trời, được vẻ vang sáng sủa.

Đoạn này trở về sau nói : đã đánh bảy giờ li-biệt như vậy, nhưng sau này chàng đánh được giấc, mà về, thì vui kia bỏ lúc buồn này, sẽ được cùng nhau yên hưởng phú quý cho tới già. Vậy xin chàng cứ bền lòng rán chí, lập lấy công danh, thiếp xin vì chàng mà giữ niềm hiếu trung cho được tròn vẹn.

Lòng hứa-quốc thắm son ngăn ngắt.

Sức vì dân dượng sắt trơ trơ.

HỨA-QUỐC. Lấy mình nạp cho nước

CHỮ THÍCH.— Xin chàng vì nước mà thắm lòng son vì dân mà bền gan sắt.

Máu Thuyền-vu, óc Nhục-chi,

Ấy thì buổi uống, ấy thì bữa ăn.

THUYỀN-VU.— Giặc đời Hạ.

NHỤC-CHI.— Giặc đời Đường

CHỮ THÍCH.— Khát lấy máu Thuyền-vu làm nước, đói lấy đầu Nhục-chi làm cơm, nói chí khí lừng hái giết hết giặc mới nghe.

Mũi đồng bác đòi lãn hãm hỡ,
Nguyên lòng trời phù hộ người trung.
Hộ chàng trăm trận nèn công,
Buồng tên ải bắc, treo cung non doài.

ĐỒNG BÁC.— Gươm, giáo làm bằng đồng.

CHÚ THÍCH. — Nguyên trời phù hộ cho kẻ anh hùng, giúp chàng tránh khỏi mũi tên viên đạn, trăm trận thành công dặng mau gác giáo treo cung ra về.

Bóng kỳ xí dâ ngoài quan-ải,
Tiếng khải-ca trở lại Thần-kinh,
Kỳ xí — Cờ.

KHẢI CA.— Đánh xong giặc, quân sĩ hát mừng ra về
THẦN KINH.— Kinh đô nhà vua

Đỉnh non bia đá để danh,
Triều thiên vào trước cung đình dăng công.

TRIỀU THIÊN.— Vào triều vua

CUNG ĐÌNH.— Sân nơi cung điện

CHÚ THÍCH.— Đánh được giặc rồi, giã từ quan ải, trở lại Thần-kinh, bia chép công dựng ở đầu non, sỗ ghi công dựng trước cung điện.

Nước Ngân-hán việt đồng rửa sạch,
Khúc nhạc từ giéo giắt lừng khen.

NGÂN HÁN.— Tức là ngân hà

VIỆT.— Phủ việt thuộc về loài gươm giao.

NHẠC TỪ.— Tấn-kịch, khúc hát, sau khi đánh được giặc rồi, có làm một tấn-kịch kể lại lịch sử trong lúc đánh giặc ấy để làm kỷ niệm.

Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác khổi, tượng truyền đài Lân.

TẦN.— Ông Thần-thúc-Bữu

HOẮC.— Ông Hoắc-phiêu-Diêu

GÁC KHỔI.— Ông Thần-thúc-Bữu đời Đường có công đánh giặc, vua Thái-Tôn vẽ hình vào gác Lăng-Yên.

ĐÀI LÂN.— Vua Tuyên-đế vẽ hình mười một người công-thần lên đài kỳ-lân, có ông Hoắc-phiêu-Diêu cũng được dự.

Nền huân tướng đại cân rặng vẽ.

Chữ đồng hư bia để ngàn đông.

HUÂN TƯỚNG.— Quan tướng có công lao huân nghiệp.

ĐỒNG HƯ.— Cùng với nước chung hưởng sự vui mừng.

Ơn trên tử ấm thê phong,

Phân vinh thiếp cũng được chung hương trời.

TỬ ẤM.— Con quan lớn được ấm sanh, ấm thọ.

THÊ PHONG.— Vợ quan lớn được phong Mạng-phụ.

Từ câu này trở lên đến câu: (Hộ chàng trăm trận thành công) nói sau khi đánh giặc thành công, chẳng những chàng được ghi công vào bia đá, và bài hát, vẽ hình lên đài Lân, gác Khổi, không kém gì Tần Hoắc là người danh tướng đời xưa, mà còn con được ấm, vợ được phong, thiếp cũng được dự một phần vinh hiển,

Thiếp chẳng đại như người Tô-phụ,

Chàng chắc không như lũ Lạc-dương.

TÔ PHỤ.— Người Tô-tần đời Chiến-quốc lúc đương còn hàn vi, mỗi khi đi về, vợ cứ ngồi trên khuông cử không thềm xuống. Sau làm tướng sáu nước, phú quý mà về thì vợ cười nói chào mời vui vẻ.

LẠC DƯƠNG.— Nơi đò hội phồn hoa.

CHÚ THÍCH.— Thiếp đây không phải như vợ Tô-Tần, khi chồng hàn vi thì khinh dể, khi chồng phú quý mới vui vầy; mà chắc chàng chẳng phải như kẻ bạc tình ở chốn phồn hoa, khi nghèo hèn thì vợ chồng có nhau, khi phú quý đem lòng phụ bạc.

Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khuôn cử xuống dầy duỡng làm sao.
Xin vì chàng xếp bảo, cởi giáp,
Xin vì chàng giữ lờp phong sương,
Vi chàng tay chuốc chén vàng,
Vi chàng diễm phấn đeo hương não nùng.

BẢO.— Áo chiến

GIÁP.-- id

Dỡ khăn lệ chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sâu chàng thắm từ câu.

KHĂN LỆ.— Khăn lau nước mắt

Câu vui đối với câu sầu.
Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi nhời.

KHÀ.— Khề khà

Sẽ rót với lần lần đòi chén,
Sẽ ca lẫn len len từng liên.

LIÊN.— Câu

Liên ngâm, đối ẩm từng phen.

Cùng chàng lại kết mối duyên tới già.

LIÊN-NGÂM.— Kẻ xướng người họa, cùng nhau
ngâm vịnh

ĐỐI-ÂM. — Ngồi đối nhau uống rượu

Cho bỏ lúc xa sầu cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình.

Từ câu này trở lên câu (Khi về đeo quả ấn vàng) nói: sau này chàng về thiếp xin vì chàng xếp áo cỡi xiêm, vì chàng tô son điểm phấn, câu buồn đổi lấy câu vui, câu thơ sánh cùng chén rượu, cùng nhau bách niên giai lão, thiệt là từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Dường nầy âu hẳn tài lãnh trượng phu

CHÚ THÍCH. — Gọi là có mấy lời gửi cùng chàng, tỏ tình thương nhớ và lòng ước ao của thiếp, mong sao chàng làm được như vậy mới đáng một lực trượng-phu.

CHUNG

BENTRÉ — IMP. KHONG-HUU-TRIM

PROVINCE DE TRAVINH

Kính trình

CÙNG CHƯ QUI ĐỒNG BÀO

Nay tôi mới mở một nhà
in tại Châu-thành Trà-vinh.

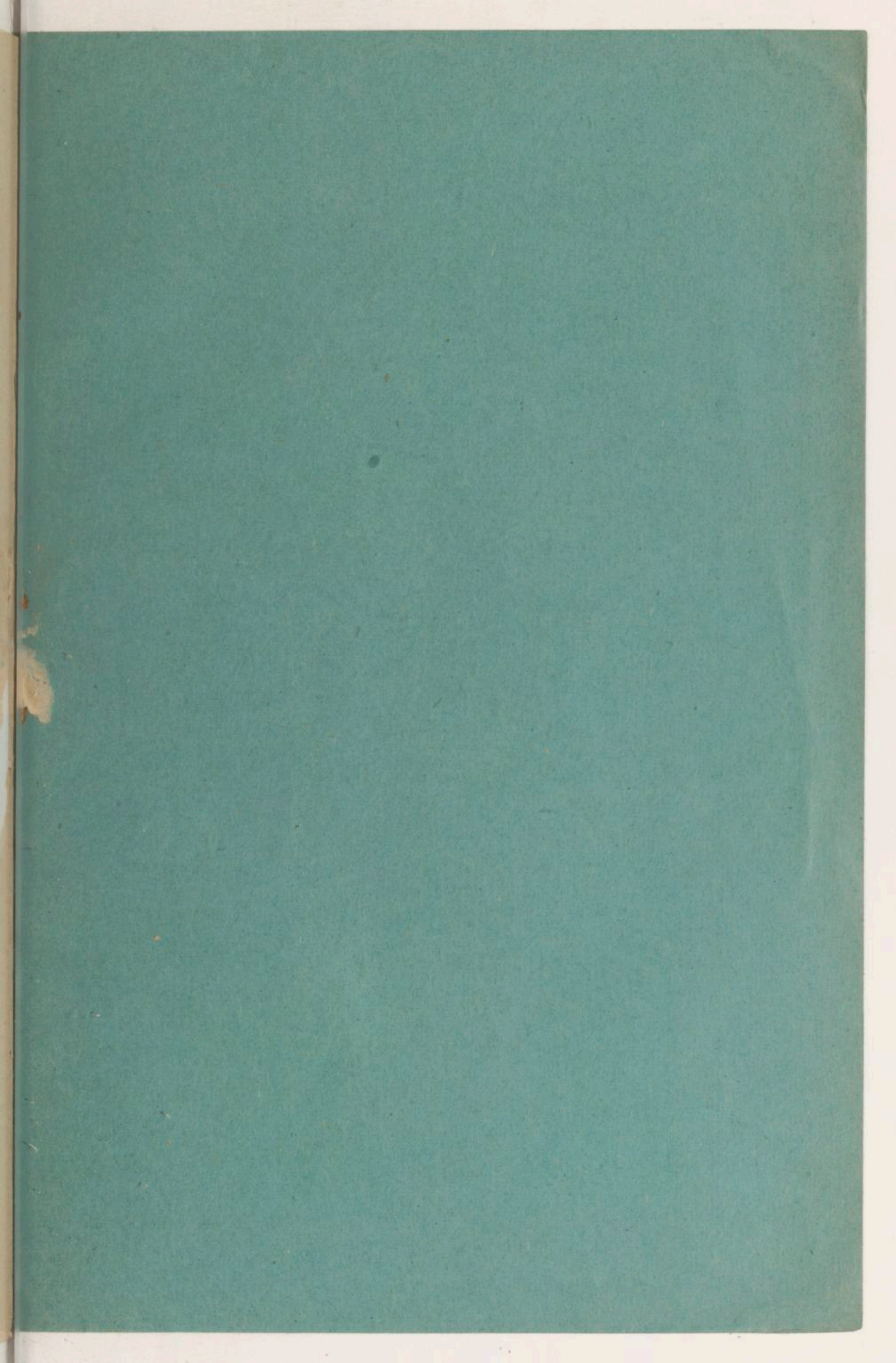
Nhà in này in đủ các kiểu
giấy tờ sớ, bộ, thơ tuồng truyện,
tiểu thuyết, thiệp hi, thiệp tang,
danh thiệp v. v. Bởi có thợ giỏi,
chữ mới, nên việc làm mau lẹ,
khéo léo, mà tính giá thật rẻ.

Vậy xin quý đồng bào, khi
có cần dùng đồ in, nên đi ngay
tới nhà in tôi, hay là gởi thơ đưa
kiểu về, thì chắc là được vừa
ý chẳng sai.

DÁM MONG CHIẾU CỐ.

KHONG-HUU-TRIM.

Kính trình



NHÀ IN KHONG-HUU-TRIM BENTRE

NOI GÒC ĐƯỜNG

Maréchal Joffre & A^{dr} Crestien -:- Bentre

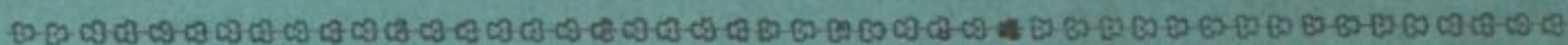
Lãnh in các thứ sổ sách, thơ, tuồng, truyện, danh thiệp, khéo, chữ rõ.

Có bán sách vở, đồ văn phòng cho các học trò.

Và cũng có bán vỏ ruột xe hơi hiệu MICHELIN BERGOUGNAN

Dầu xăng và dầu nhớt hiệu SHELL.

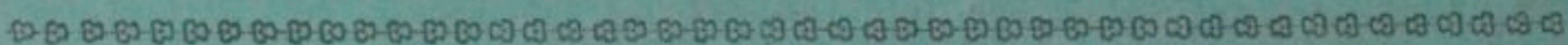
Dầu lửa hiệu CON SÒ, CON CÁ, Mỏ neo, Chử thập, thùng vuôn và tròn.



Cách tiếp đãi bạn hàng của nhà in

☞ **KHONG-HUU-TRIM** ☞

hết sức tử tế, ít đâu sánh kịp.



Xin qui khách hoan tâm chiếu cố